

Số: 384/2024/QĐST-HNGĐ

Quận 7, ngày 20 tháng 6 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 337/2024/HNST ngày 22 tháng 5 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự :

1. Bà **Ngô Thị Hồng H**, sinh năm 1983; địa chỉ thường trú: **Tổ B, ấp P, xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai**; địa chỉ liên lạc: **A60 N, Khu đô thị P, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh**.

2. Ông **Nguyễn Thọ H1**, sinh năm 1983; địa chỉ thường trú: **Thôn H, xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình**; địa chỉ tạm trú: **I H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh**.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

1 Về quan hệ hôn nhân: Bà **Ngô Thị Hồng H** và ông **Nguyễn Thọ H1** tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 52, Quyền số 01/2012, đăng ký ngày 21/5/2012 tại **Ủy ban nhân dân xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai**); do đó, khi có yêu cầu ly hôn được áp dụng các quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình và thủ tục giải quyết theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình chung sống, giữa bà **H1** và ông **H1** phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau. Mặc dù đã tìm cách khắc phục nhưng không có kết quả. Nhận thấy

mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy mục đích hôn nhân giữa bà H1 và ông H1 không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh (Bản sao y) số 207/2014, Quyển số 02/2014 ngày 07/11/2014 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai và Bản sao Giấy khai sinh số 12/GKS-BS đăng ký ngày 18/01/2022 tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; cùng lời thừa nhận của bà Ngô Thị Hồng H và ông Nguyễn Thọ H1; ông bà có 02 (hai) con chung là Nguyễn Thọ Phúc Đ (nam), sinh ngày 22/11/2021 và Nguyễn Phúc An N (nữ), sinh ngày 16/9/2014.

Sau khi ly hôn, cả hai thỏa thuận: Giao cho bà Ngô Thị Hồng H sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung là trẻ Nguyễn Thọ Phúc Đ, sinh ngày 22/11/2021. Giao cho ông Nguyễn Thọ H1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 01 con chung là trẻ Nguyễn Phúc An N, sinh ngày 16/9/2014. Ghi nhận sự tự nguyện của ông, bà không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Bà Ngô Thị Hồng H và ông Nguyễn Thọ H1 có quyền và nghĩa vụ đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Bà Ngô Thị Hồng H và ông Nguyễn Thọ H1 xác nhận không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Bà Ngô Thị Hồng H và ông Nguyễn Thọ H1 xác nhận không có nợ chung.

[5] Về lệ phí việc dân sự: Bà Ngô Thị Hồng H và ông Nguyễn Thọ H1 cùng chịu lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Hồng H và ông Nguyễn Thọ H1 thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 52, Quyển số 01/2012, đăng ký ngày 21/5/2012 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai).



1.2. Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh (Bản sao y) số 207/2014, Quyển số 02/2014 ngày 07/11/2014 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai và Bản sao Giấy khai sinh số 12/GKS-BS đăng ký ngày 18/01/2022 tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; cùng lời thừa nhận của bà Ngô Thị Hồng H và ông Nguyễn Thọ H1; ông bà có 02 (hai) con chung là Nguyễn Thọ Phúc Đ (nam), sinh ngày 22/11/2021 và Nguyễn Phúc An N (nữ), sinh ngày 16/9/2014.

Giao cho bà Ngô Thị Hồng H sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung là trẻ Nguyễn Thọ Phúc Đ, sinh ngày 22/11/2021. Giao cho ông Nguyễn Thọ H1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 01 con chung là trẻ Nguyễn Phúc An N, sinh ngày 16/9/2014. Ghi nhận sự tự nguyện của ông, bà không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Bà Ngô Thị Hồng H và ông Nguyễn Thọ H1 có quyền và nghĩa vụ đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Không có.

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Bà Ngô Thị Hồng H và ông Nguyễn Thọ H1 chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000001267461 ngày 22/5/2024 với mã thông báo nộp tiền I5H2EAI6BM và Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019117 ngày 23/5/2024 của Cơ quan Thi hành án dân sự Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, ông H1 và bà H1 đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND TP. HCM
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Cơ quan nơi ĐKKH ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS, (Vy).

**THẨM PHÁN**

**Lê Thuận Phong**